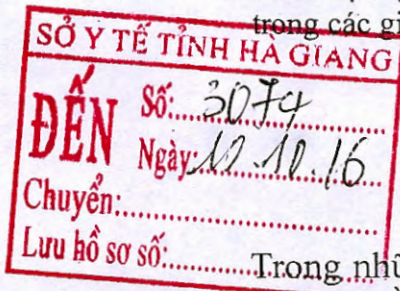


**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH HÀ GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 3426 /UBND-NC
V/v xác định ghi tên dân tộc
trong các giấy tờ hộ tịch

Hà Giang, ngày 30 tháng 9 năm 2016



Kính gửi:

- Các Sở, ban, ngành thuộc UBND tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố.

Trong những năm qua, các cơ quan đăng ký hộ tịch trên địa bàn tỉnh đã đáp ứng được yêu cầu về đăng ký hộ tịch như đăng ký khai sinh, thay đổi, cải chính hộ tịch... Tuy nhiên, trên thực tế do công chức Tư pháp - Hộ tịch một số xã chưa nắm được quy định về danh mục các dân tộc Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định số 121-TCTK/PPCĐ ngày 02/3/1979 của Tổng cục thống kê nên khi thực hiện đăng ký hộ tịch đã ghi tên dân tộc theo yêu cầu của cá nhân (Ví dụ: tên thành phần dân tộc là Tày thì ghi giấy tờ hộ tịch là Ngạn; tên thành phần dân tộc là Nùng ghi tên gọi khác là Xuông...) việc ghi không đúng, không thống nhất thành phần dân tộc gây khó khăn trong công tác quản lý nhà nước về đăng ký hộ tịch và khó khăn cho người dân khi thực hiện các giao dịch khác của mình.

Để khắc phục tình trạng trên, UBND tỉnh yêu cầu các cơ quan đăng ký hộ tịch trên địa bàn tỉnh thực hiện nghiêm túc quy định của Luật Hộ tịch và Quyết định số 121-TCTK/PPCĐ ngày 02/3/1979 của Tổng cục thống kê. Cụ thể:

1. Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã khi đăng ký hộ tịch, các giấy tờ hộ tịch cấp cho cá nhân phải ghi đúng tên các thành phần dân tộc trong danh mục thành phần các dân tộc Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định số 121-TCTK/PPCĐ ngày 02/3/1979 của Tổng cục thống kê, không ghi tên gọi khác.

2. Khi có yêu cầu thay đổi, cải chính hộ tịch từ các tên gọi khác trong giấy tờ hộ tịch của cá nhân thì Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã thực hiện đăng ký thay đổi, cải chính hộ tịch cho cá nhân, trong giấy tờ hộ tịch phải ghi dân tộc theo đúng tên các thành phần dân tộc quy định trong danh mục các thành phần dân tộc Việt Nam.

3. Các Sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố làm tốt công tác tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật để cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và nhân dân về quy định danh mục các dân tộc Việt Nam tại Quyết định 121-TCTK/PPCĐ ngày 02/3/1979 của Tổng cục thống kê.

(Có bảng Danh mục thành phần các dân tộc Việt Nam đính kèm)

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Vnpt ioffice;
- Công thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu VT, NC, NN.



Nguyễn Minh Tiến

DANH MỤC CÁC THÀNH PHẦN DÂN TỘC VIỆT NAM

Mã số	Tên các thành phần dân tộc	Các tên gọi khác
(1)	(2)	(3)
01	Kinh (Việt)	Kinh
02	Tày	Thổ, Ngạn, Phén, Thù Lao, Pa Dí.
03	Thái	Tày, Tày Khao (Thái Trắng), Tày Đăm (Thái Đen), Tày Mười, Tày Thanh (Man Thanh), Hàng Tổng (Tày Mường), Pu Thay, Thổ Đà Bắc.
04	Mường	Mol, Mual, Moi, Mọi Bi, Ao Tá (Ậu Tá).
05	Khơ-me	Cur, Cul, Cu, Thổ, Việt gốc Miên, Khơ-me Krôm.
06	Hoa (Hán)	Triều Châu, Phúc Kiến, Quảng Đông, Hải Nam, Hạ, Xạ Phang...
07	Nùng	Xuông, Giàng, Nùng An, Phàn Sinh, Nùng Cháo, Nùng Lôi, Quý Rìn, Khèn Lài...
08	Hmông (Mèo)	Mèo, Mèo Hoa, Mèo Xanh, Mèo Đỏ, Mèo Đen, Ná Miêu, Mán Trắng.
09	Dao	Mán, Động, Trại, Xá, Diu Miên, Kiềm Miên, Quần Trắng, Dao Đỏ, Quần Chẹt, Lô Gang, Dao Tiên, Thanh Y, Làn Tẻn, Đại Bản, Tiểu Bản, Cóc Ngáng, Cóc Mùn, Sơn Đầu...
10	Gia-rai	Giơ-rai, Chơ-rai, Tơ-buân, Hơ-bau, Hđrưng, Chor...
11	Ngái	Xín, Lê, Đản, Khách Gia.
12	Ê-đê	Ra-đê, Đê, Kpá, A-đham, Krung, Ktul, Đliê Ruê, Blô, Ê-pan, Mđhur, Bih...
13	Ba-na	Gơ-lar, Tơ-lô, Giơ-lâng (Y-lăng), Rơ-ngao, Krem, Roh, Con Kđe, A-la Công, Kpăng Công, Bơ-nâm.
14	Xơ-đăng	Xơ-teng, Hđang, Tơ-đrá, Mơ-nâm, Ha-lăng, Ca-dong, Km-râng, Con Lán, Bri-la, Tang.
15	Sán Chay (Cao Lan - Sán Chỉ)	Cao Lan, Mán Cao Lan, Hòn Bạ, Sán Chỉ (còn gọi là Sơn Tử và không bao gồm nhóm Sán Chỉ ở Bảo Lạc và Chợ Rã).
16	Cơ-ho	Xrê, Nộp (Tu-lôp), Cơ-don, Chil, Lat (Lach), Trinh.
17	Chăm (Chàm)	Chiêm Thành, Hroi.
18	Sán Dìu	Sán Dẻo, Trại, Trại Đất, Mán Quần Cộc.
19	Hrê	Chăm Rê, Chom, Krẹ, Lũy...
20	Mnông	Pnông, Nông, Pré, Bu-đang, Đì Pri, Biat, Gar, Rơ-lam, Chil ³ .
21	Ra-glai	Ra-clây, Rai, Noang, La-oang.
22	Xtiêng	Xa-điêng.
23	Bru-Vân Kiều	Bru, Vân Kiều, Mang Cong, Trĩ, Khùa.
24	Thổ	Kẹo, Mọn, Cuối, Họ, Đan Lai, Ly Hà, Tày Pọng, Con Kha, Xá Lá Vàng.

25	Giáy	Nhắng, Dắng, Pầu Thìn Pu, Nà, Cùi Chu, Xa.
26	Cơ-tu	Ca-tu, Cao, Hạ, Phương, Ca-tang.
27	Gié - Triêng	Đgiéh, Tareh, Giang Rẫy, Pin, Triêng, Treng, Ta-riêng, Ve (Veh), La-ve, Ca-tang ⁷
28	Mạ	Châu Mạ, Mạ Ngăn, Mạ Xốp, Mạ Tô, Mạ Krung.
29	Khơ-mú	Xá Cầu, Mứn Xen, Pu Thênh, Tênh, Tày Hạy.
30	Co	Cor, Col, Cua, Trầu.
31	Ta-ôi	Tôi-ôi, Pa-co, Pa-hi (Ba-hi)
32	Chơ-ro	Dơ-ro, Châu-ro
33	Kháng	Xá Khao, Xá Súa, Xá Dón... Xá Dắng, Xá Hóc, Xá Ái, Xá Bung, Quảng Lâm.
34	Xinh-mun	Puộc, Pụa
35	Hà Nhì	U Ní, Xá U Ní
36	Chu-ru	Chơ-ru, Chu.
37	Lào	Lào Bốc, Lào Nội.
38	La Chí	Cù Tê, La Quả.
39	La Ha	Xá Khao, Khlá Phlao.
40	Phù Lá	Bồ Khô Pạ, Mù Di Pạ, Xá Phó, Phỏ, Va Xơ Lao, Pu Dang.
41	La Hủ	Khù Xung, Cò Xung, Khả Quy.
42	Lự	Lừ, Nhuôn (Duôn).
43	Lô Lô	Mun Di.
44	Chút	Sách, Mày, Rục, Mã-liêng, A-rem, Tu-vang, Pa-leng, Xơ-lang, Tơ-hung, Chà-củi, Tắc-củi, U-mo, Xá Lá Vàng.
45	Mảng	Mảng Ứ, Xá Lá Vàng.
46	Pà Thên	Pà Hưng, Tổng.
47	Cơ Lao	
48	Cống	Xám Không, Mống Nhé, Xá Xeng.
49	Bồ Y	Chùng Chá, Trọng Gia, Tu Dí, Tu Dìn.
50	Si La	Cú Dê Xừ, Khá Pé.
51	Pu Péo	Ka Béo, Pen Ti Lô Lô.
52	Brâu	Brao.
53	Ơ-đu	Tày Hạy.
54	Rơ-măm	